

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

QUYỂN 20

Phẩm 2: NÓI VỀ SỰ SAI KHÁC (PHẦN 12)

Hỏi: Nhân duyên như thế, có gì khác nhau?

Đáp: Ở đây, căn cứ thật thể, sự khác nhau đều không có, lẽ ra nói nhân duyên thâm nhiếp như thế nào? Trước ta đã nói về tánh năm nhân của nhân duyên: Tăng thượng tức Năng tác. Sao lại sinh nghi hai duyên còn lại, vì chưa nói về nhân thâm nhiếp? Nên nay ở đây cũng có thể sinh hoài nghi, có nói rằng: Hai nhân Đồng loại, Biến hành, phần ít mỗi nhân gọi duyên đẳng vô gián. Đều căn cứ ở phần vị đã sinh, vì không khác nhau, nên không có lý như thế, vì quả có khác.

Hỏi: Há không phải tất cả nhân đều có quả sử dụng?

Đáp: Nếu pháp có sức, có thể sinh ở nơi kia, hoặc được ở kia, kia là quả sử dụng của pháp này. Không như vậy, thì hai nhân đều cùng có quả đẳng lưu, vì nghĩa đã rõ ràng.

Lại, bất, giới, địa v.v... hữu lậu, vô lậu, khác nhau, đồng, khác đều bình đẳng, quả sử dụng của vô gián duyên. Quả của hai nhân vì chỉ căn cứ ở loại đồng, nên với duyên này chẳng phải không có khác nhau.

Há không là quả đẳng lưu của hai nhân, cũng gồm có khác, như triển dục trói buộc kiến. Hai nhân, sở đoạn của khổ, đã dẫn dắt hữu ký, vô ký đẳng lưu của bộ mình, hữu ký, vô ký này cũng nhiếp ô, loại chúng là đồng. Hai nhân khác: giới, địa v.v... hữu lậu, vô lậu, tất nhiên không có, nên chẳng phải không có riêng.

Nếu vậy, đã sinh pháp tâm, tâm sở, vì thâm nhiếp nhân: tương ứng, câu hữu, nên đều không lập duyên đẳng vô gián. Duyên này với quả sử dụng của hai nhân, tương chúng đều khác nhau, vì vô gián này và quả câu sinh kia có khác.

Há không là hai nhân cũng có vô gián sinh quả sử dụng? Không có nghĩa như thế, vì năng lực của tâm, tâm sở, chủ thể vô gián sinh ra quả

sĩ dụng, nên biết tức là duyên đẳng vô gián, chẳng phải là tác dụng của nhân Câu hữu, và tương ứng. Hai nhân này chỉ có công năng được sức câu sinh quả sĩ dụng, vì tâm, tâm sở có công năng dẫn đến nghĩa của quả sĩ dụng câu sinh. Tức gọi hai nhân: Câu hữu, và Tương ứng, dẫn vô gián sinh quả sĩ dụng, nên biết tức là duyên đẳng vô gián, như dẫn quả câu sinh dù không khác nhau, mà dựa vào nghĩa khác, để lập riêng hai nhân, thể dù xen lẫn nhau, nhưng nghĩa có khác. Hai nhân đối với đẳng vô gián kia, với nghĩa khác nhau, thể đồng nên biết cũng thế. Vì thế, đẳng vô gián chẳng phải tức các nhân. Sở duyên duyên kia có phải tức nhân không?

Có thuyết nói: Tức nhân Năng tác, vì thể và quả đều giống nhau. Há không là quả sĩ dụng của sở duyên duyên làm quả?

Có thuyết nói: Quả của sở duyên duyên này chỉ có tăng thượng. Hoặc giả nhân Năng tác cũng có quả sĩ dụng nên không có lỗi.

Nếu vậy, hai nhân Câu hữu, và tương ứng, như sở duyên thuộc về nhân Năng tác. Nhưng chẳng phải là quả tăng thượng lần lượt của sở duyên duyên, cũng chẳng phải quả sĩ dụng từ sở duyên duyên sinh, nên không có nghĩa đều tương tự của quả thể. Cho nên có giải thích: Nhân duyên sai khác không khắp là nhân, khắp là duyên, vì thân nhiếp, không thân nhiếp, như ngón tay, lóng tay. Cho nên, không thấy duyên đẳng vô gián và sở duyên duyên có nghĩa thuộc về nhân. Duyên này khác với nhân, về lý không đợi nói. Chỉ hai duyên đầu và sau, lẽ ra phải nói khác với nhân. Duyên này đã có khác, hai duyên còn lại, vì nghĩa duyên bình đẳng, cũng nên có khác nhau, nên có lời nói chung duyên khác với nhân, nghĩa là nhân: Năng sinh, duyên: Công năng nuôi lớn, cũng như hai người mẹ sinh, mẹ nuôi khác nhau.

Lại, nhờ duyên thân nhiếp, giúp đỡ, nhân mới có thể sinh. Sinh đã, nối tiếp nhau, sức duyên nuôi lớn.

Hoặc có thuyết nói: Nhân chỉ có một, duyên thì có nhiều, cũng như hạt giống khác với phân, đất v.v... Lại, nhân không chung, duyên là chung, như mắt, như sắc. Nếu làm việc của mình, gọi là nhân, nếu làm việc cho người khác gọi là duyên, tức như hạt giống khác với phân, đất v.v....

Lại, chủ thể dẫn khởi, gọi là nhân, công năng gánh vác được gọi là duyên, như hoa, như quả. Lại, nhân gọi gần, xa gọi duyên, như ngọc báu, như mặt trời. Lại, nhân, là chủ thể sinh, duyên, là năng biện, cũng như từ lạc phát ra sinh tô, cái khoan, đồ đựng, nhân công, sức, khả năng phân tích chẳng phải cái khoan, đồ đựng v.v... khiến cho nước phát ra

tô, vì nhân thiếu tô ở trong nước, các loại như đây v.v... khác nhau rất nhiều. Cho nên, nhân duyên lập riêng danh, tướng, do công sức của nhân duyên kia có khác nhau.

Lại, nghĩa đang có, nên nói là nhân, vì công năng giúp đỡ hiển phát, nên nói là duyên. Như giới chữ duyên ở nghĩa có khác, nhưng Khế kinh nói: Hai nhân, hai duyên, sinh ra chánh kiến, nghĩa là ngôn, âm, tác ý gần, xa v.v... sinh ra chánh kiến vô lậu. Căn cứ nghĩa này biểu thị hai tên gọi nhân và duyên.

Lại, Khế kinh nói: Có nhân, có duyên, có đầu mối, đây là chỉ rõ đều chung cùng khởi của nhân xa vô gián, có khác nhau.

Lại, Khế kinh nói: Nhân mắt, duyên sắc, sinh nhãn thức, nghĩa là ý bày tỏ nhãn thức tùy theo căn không chung và cảnh chung khởi.

Lại, Khế kinh nói: Nhân này, duyên này, đầu mối này, ý trong đây nói rõ tác giả, công cụ tạo tác và trợ duyên khác.

Các kinh như thế, thuận theo nghĩa, nên giải thích: Đã thuận theo lý, giáo, biện rộng các duyên, các duyên như thế, biểu thị sáng tỏ pháp sinh diệt dùng làm tác dụng, lẽ ra phải nói duyên nào ở pháp vị nào? mà khởi tác dụng? Tụng nói:

*Hai nhân nơi đang diệt
Ba nhân nơi đang sinh
Hai duyên khác trái nhau
Mà khởi các tác dụng.*

Luận nói: Thuyết trước nói năm nhân, làm tánh nhân duyên. Tác dụng của hai nhân khi đang diệt, nói khởi đang diệt là vì chỉ rõ pháp hiện tại diệt ở trước, nên gọi lúc đang diệt. Hai nhân Câu hữu, và Tương ứng, đối với phần vị hiện tiền của pháp diệt, mà tạo ra công năng.

Hai nhân của phần vị này tạo ra công năng, nghĩa là phẩm câu sinh, hề thiếu bất cứ một thời nào, tác dụng đều không có, không thể nhận lấy cảnh ở phần vị hiện tại.

Hai nhân như thế, mặc dù cùng lúc lấy quả, cho quả, mà hiện nay chỉ căn cứ ở công năng cho quả. Nói ba nhân nơi đang sinh, nghĩa là pháp vị lai ở phần vị đang sinh, vì sinh hiện ở trước, nên gọi là lúc đang sinh. Ba thứ: Đồng loại, Biến hành, và Dị thực, phẩm vị của pháp đang sinh, mà vì tạo ra công năng, nên có thuyết nói: Hai quả đẳng lưu và dị thực, sự dẫn dắt của sức nhân, khiến sinh đồng loại và Biến hành, chấp nhận có quả đẳng lưu vô gián khởi, có thể nói quả đẳng lưu kia lúc đang khởi, nhân khởi tác dụng, quả của nhân Dị thực, tất nhiên là thời cách xa. Nhân ấy đã diệt lâu, quả đang khởi, tác dụng như thế nào?

Lúc quả sinh, chẳng phải vào lúc quá khứ có thể có tác dụng. Tác dụng nói ở đây, ý chỉ rõ công năng. Trong sự khác nhau của hai tướng, đã từng tư duy, lựa chọn. Vì nhân dù diệt, trải qua vô lượng thời gian, nhưng vẫn có công năng, khiến tự quả khởi, vì không chung, nên khi tự quả sinh, dù tác dụng không có, mà ở tự quả khởi trên công năng, đặt tên là tác dụng.

Thượng tọa bộ kia nói: Một khoảng sát-na, khó nói đây là lúc sinh, lúc diệt, chẳng phải pháp do nhân sinh trước, diệt sau, như cầm gậy có thắt vòng buộc siết chặt cổ rắn từ trong hang, kéo ra ngoài, mới cắt đứt mạng nó. Nhưng thể vốn không có, vì nhân nên có. Thuyết kia chỉ là lời nói đùa bỡn, trạo cử, dẫn chẳng phải Tông của mình, vì lời nói thô bỉ, nên chẳng phải pháp Đối pháp thừa nhận pháp do nhân sinh trước, diệt sau, đồng với dụ buộc cổ rắn, chỉ do nghĩa lý duyên khởi sâu xa pháp như thế. Vì hiểu rõ học trò, nên nói tác dụng lấy, cho, nhằm biểu thị có công năng khởi nhân đối với quả, nên Thượng tọa bộ kia nói: Chỉ thêm trạo cử, đùa bỡn.

Lại, Thượng tọa bộ kia nói: Một khoảng sát-na, khó nói đây là lúc sinh, lúc diệt.

Thượng tọa bộ kia luôn tâm tứ thô cạn biện luận khác nhau, hãy còn tuổi đã vượt quá ở vào thời kỳ già cõi, suy yếu.

Há có thể đo lường thời thơ ấu thường tư duy, lựa chọn. Bạc Nhất Thiết Trí giải thích lời nói chí lý, tu thành diệu tuệ đến cội nguồn cùng cực, dù một sát-na, mà có gốc, ngọn khởi. Thời nay đang khởi, gọi là lúc sinh, sinh rồi, không có gián cách, đang sắp dứt đi qua, gọi là lúc diệt.

Đây là nói cái khó nào? hoặc dù nói khó, nhưng chẳng phải không thể nói chỉ siêng năng, thêm phương tiện, mà có nói.

Há do các ông đã rơi vào sự, khổ nhọc mà mình không thể nói, khiến cho người khác cũng bỏ Bồ-đề vô thượng, cũng khó có thể được? Há do khó được, ấy là bỏ sự chí cầu. Vì thế, không nên vì mình rơi vào sự học, không thấu đạt tướng kia, bèn bác bỏ nói không có.

Lại, thể vốn không có, do nhân có, thì đâu phiên nói về lời nói này trái với tông mình, nghĩa là nếu vốn không có thì sao nói là thể? Đã được nói là thể thì sao cho là vốn không?

Căn cứ vào tông chỉ luận đối pháp, nên lập ra thuyết này: Vì pháp vị lai vừa có, vừa không nghĩa là vì tác dụng không mà thể vốn có. Do các khởi trước và nhân câu sinh, nên thể vốn không có, thời nay mới có. Nói đời vị lai không có tự thể, biện luận về Tông chưa sinh đã không có, làm sao nói là thể. Nếu thể kia vô gián, tất nhiên vì sẽ có, nên được

nói là thể sẽ có lỗi thái quá! Vì hiện tại vô gián, tất nhiên sẽ không có, nên phải nói là vô thể, ấy là tất cả không có.

Lại, vị lai không có, vì sẽ có, nên nói có tự thể, nghĩa là hiện tại có tự thể, vì không hề có, sao không nói không có? Quá khứ lẽ ra cũng được nói thể có, vì từng có, nên đời ấy là xen lẫn nhau.

Cho nên, Thượng tọa bộ kia không chịu nhẫn nại, tìm tòi chứng cứ, chỉ tông của Đối pháp, về lý không có nghiêng động.

Đã nói về tác dụng của hai duyên trái với nhân duyên này. Đẳng vô gián duyên đối với phần vị sinh của pháp, mà khởi tác dụng. Do tâm, tâm sở trước của lúc sinh kia, đã dẫn mở lối, nên, nếu sở duyên duyên có thể duyên phần vị diệt mà khởi tác dụng, do tâm, tâm sở, phải là lúc hiện tại, mới nhận lấy cảnh, nên phần vị sinh diệt của pháp duyên tăng thượng kia, đều không có chướng ngại trụ, nên tác dụng của hai duyên kia đều tùy theo phần vị không có chướng ngại, tất cả không ngăn. Nay, lẽ ra phải tư duy, lựa chọn.

Câu hữu, tương ứng và sở duyên duyên, nếu pháp sinh rồi, mới khởi tác dụng, thì đâu cần lập, hai nhân một duyên này!

Nếu chấp nhân duyên phải có tác dụng, mới thừa nhận lập làm tánh nhân duyên, thì đời vị lai lẽ ra không có nhân duyên. Nhưng Tông đã thừa nhận, không nên vấn nạn.

Nếu thế, vì sao nói có tác dụng?

Nếu lia hai nhân, một duyên như thế, thì các pháp được dẫn trong phần vị đang diệt, lẽ ra không có tác dụng, công năng lấy cảnh.

Nếu tác dụng không có, mà cũng được gọi là duyên, thì tâm v.v... sau cùng của các A-la-hán, lẽ ra cũng có thể lập duyên đẳng vô gián?

Lời vấn nạn này thật phi lý, vì trước đã nói: Nói về sở duyên duyên chẳng phải chủ yếu do có tác dụng mới lập, đâu có liên quan với nhau, mà đem so sánh với duyên đẳng vô gián kia trong khi duyên đẳng vô gián kia phải do mở lối, dẫn dắt? Nên chỉ hiện tại thích đáng có thể an lập, vì ở đời vị lai, nhất định không có duyên kia, ở thời hiện tại, từng có tác dụng, nên cho dù quá khứ cũng vẫn có thể an lập. Sở duyên duyên kia, chẳng phải chỉ hiện tại, chỉ có thể tánh là đều có thể thành duyên, không cần phải do tác dụng mà lập, chỉ ở phần ít, phần ít thành duyên, được tên tác dụng, chẳng phải ở tất cả.

Hỏi: Làm sao biết được, có tự thể mới được thành duyên? Đáp:

Vì nếu tự thể của sở duyên không có, thì giác không sinh.

Có sư khác nói: Lập nhân, lập duyên cũng có nghĩa khác, chẳng phải chủ yếu ở năng khởi, vì mặc dù không sinh tác dụng, nhưng cũng

thành nhân, như sự tự nối tiếp nhau: thấy nhất định nhân quả đối với sự nối tiếp nhau của người khác, về lý, cũng chẳng phải không có, như Khế kinh nói: Hai nhân, hai duyên sinh ra chánh kiến. Nhân, duyên, ở đây lẽ ra cũng như thế, năng sinh, bất sinh, đều thành tánh nhân, đều có các pháp hòa hợp, công năng dẫn dắt đến một quả của nhóm khác, được gọi là tác dụng, vì ở trong nhóm hòa hợp như thế, hễ thiếu bất cứ một pháp nào, pháp còn lại, đều không có tác dụng, nên đều cùng có pháp lại, làm nhân lẫn nhau. Như nhân Câu hữu, tương ứng cũng vậy, lẫn có sức, khả năng nhận lấy sở duyên, nên chẳng phải công năng sinh, mới thành tánh nhân.

Nếu vậy, vì sao trước nói rằng: Vì nhờ cậy đó, pháp sinh, nên gọi là nhân. Chẳng phải có thể lìa bỏ nhân mà pháp có nghĩa sinh, nên nói rằng: Không phải cho tất cả công năng sinh quả ấy, mới được gọi là nhân.

Về nghĩa nhân còn như thế, nghĩa duyên lẽ ra cũng như thế, nên pháp sinh rồi, tác dụng chẳng phải không có.

Đã nói về các duyên rồi, nên nói pháp nào do bao nhiêu duyên sinh? Tụng nói:

*Tâm, tâm sở do bốn
Hai định chỉ do ba
Ngoài ra hai duyên sinh
Chẳng do trời. Thứ lớp.*

Luận nói: Trong đây, do lời nói làm sáng tỏ, nghĩa, là tâm, tâm sở, do bốn duyên nên sinh. Sở duyên duyên kia trừ sinh tâm v.v... không có dụng riêng, nghĩa là thân sáu thức và pháp tương ứng, tùy theo sự thích hợp, dùng năm thứ như sắc v.v... và tất cả pháp, làm sở duyên duyên. Nhân duyên như tâm v.v... đủ tánh của năm nhân, tự loại của sự sinh trước mở lối, dẫn phát, gọi là duyên đẳng vô gián của tâm v.v...

Duyên tăng thượng này tức tất cả pháp, mỗi pháp đều trừ tự tánh, tùy theo sự thích hợp.

Hỏi: Há không là tác dụng của một duyên, hai nhân?

Đáp: Chẳng phải đối với pháp kia lúc sinh, tức là vì có bốn duyên của tâm v.v... như thế, nên sinh.

Hỏi: Nhân duyên như thế nào có đủ tánh năm nhân?

Đáp: Dù ở phần vị pháp diệt, tác dụng mới thành, nhưng khi pháp sinh, chẳng phải không có công sức, vì lìa pháp đây, kia, tất nhiên bất sinh, vì tâm, tâm sở phải nhờ dựa vào sở duyên và gởi vào hai nhân mới được sinh.

Nếu pháp này làm sở duyên cho pháp kia, hoặc nhân không có tạm thời, vì chẳng phải luận này nói hai định vô tâm vì ba duyên nên sinh, trừ sở duyên duyên, vì chẳng phải năng duyên.

Nhân duyên này, là chỉ có hai nhân:

1. Nhân Câu hữu, nghĩa là các tướng như sinh v.v... ở trên của hai định.

2. Nhân Đồng loại, nghĩa là trước kia đã sinh duyên đẳng vô gián, pháp của địa mình, nghĩa là tâm nhập định và duyên tăng thượng của pháp tương ứng, là như trước đã nói.

Há không là vô tướng cũng ba duyên sinh, vì tâm, tâm sở đẳng vô gián này lẽ ra cũng nói là tâm đẳng vô gián, nhưng không phải tâm cùng gia hạnh dẫn sinh, nên ở trong đây, bỏ mà không nói. Hoặc vô tướng này chỉ được tiếng sáng tỏ, chẳng phải như hai định vì đối lập nhau.

Vì sao hai định là tâm đẳng vô gián, mà không nói là tâm duyên đẳng vô gián?

Vì sức tâm đẳng đã dẫn sinh, như tâm, tâm sở sinh, tất nhiên, vì lệ thuộc tâm trước diệt, chẳng phải như sắc pháp, vì có thể cùng lúc chuyển với tâm khác, chẳng phải như đắc v.v... có thể có tạp loạn, vì cùng có hiện ở trước, chẳng phải như sinh v.v... vì là bạn khác. Nhưng vì tâm dùng phương tiện gia hạnh dẫn sinh, nên có thể nói là tâm đẳng vô gián. Vì trái hại với tướng định của tâm đẳng khởi, nên chẳng phải là duyên đẳng vô gián của tâm v.v... Lại, vì lý của duyên này trái nhau, nghĩa là người tu hành vì chán ghét pháp tâm, tâm sở hiện hành, nên nhập định vô tâm. Nếu định vô tâm lại vì duyên này dẫn sinh tâm, tâm sở, thì người tu hành không có tâm ưa khởi đối với định này. Vì ly khai tâm, tâm sở hiện hành nhập định vô tâm, định này lại dẫn sinh pháp tâm, tâm sở, thì không hợp với đạo lý. Cũng có chí giáo chứng minh định vô tâm do gia hạnh tâm, tâm sở dẫn sinh, như nói, siêu việt qua tất cả tướng thọ diệt của phi tướng, phi phi tướng xứ, thân tác chứng, trụ đầy đủ, nên biết hai định là do gia hạnh của tâm, tâm sở dẫn sinh. Vì tâm sai khác chứng hiện tiền, nên không có chí giáo chứng định vô tâm, có thể làm duyên này, vì dẫn sinh tâm, tâm sở, nên chẳng phải duyên đẳng vô gián của tâm v.v... vì sát-na của hai định trước đối với sau.

Vì sao không lập duyên đẳng vô gián?

Vì các niệm đều do tâm v.v... trước dẫn, không thể dẫn sau, như trước đã nói. Lại, niệm sau cùng, vì không có quả, nên tâm xuất làm quả, điều này có lỗi gì?

Há không là đã nói đây chẳng phải là duyên đấng vô gián của tâm v.v... Sao có thể nói tâm xuất của niệm, định sau cùng làm quả?

Lại, tâm xuất định vì dựa vào gia hạnh của tâm v.v... khởi, nên không thể nói là tạo ra quả được dẫn do định sát-na sau cùng. Tâm v.v... nhập định đối với tâm xuất định chẳng phải vô gián diệt, tâm xuất định đối lập với tâm v.v... nhập định kia, sao có thể nói là đấng vô gián ư?

Không có duyên đấng vô gián ở giữa, làm ngăn cách, nên nghĩa vô gián, đấng vô gián đều có khác nhau. Sức của tâm v.v... ở trước dẫn pháp sau sinh, pháp sau gọi là sát-na không có ngăn cách của đấng vô gián trước, nên lập danh từ vô gián. Cho nên, hai lời nói, vì nghĩa vô gián, đấng vô gián kia đều khác nhau, nên lập ra thuyết này: Nếu pháp làm duyên đấng vô gián cho tâm, thì pháp kia cũng là tâm vô gián?

Nên lập ra bốn luận chứng:

Luận chứng thứ nhất. Nghĩa là định vô tâm, xuất tâm, tâm sở và sát-na các định của đấng thứ hai.

Luận chứng thứ hai. Nghĩa là sát-na các định đầu tiên khởi và sanh trụ, dị, diệt của các tâm, tâm sở của phần vị hữu tâm.

Luận chứng thứ ba. Nghĩa là sát-na các định đầu tiên khởi và pháp tâm, tâm sở của phần vị hữu tâm.

Luận chứng thứ tư. Nghĩa là sát-na các định của đấng thứ hai. Và định vô tâm, xuất tâm, tâm sở sinh, trụ, dị, diệt.

Nếu pháp làm đấng vô gián cho tâm, có làm vô gián cho định vô tâm hay không?

Nên tạo ra bốn luận chứng: Nghĩa là luận chứng thứ ba, thứ tư trước là luận chứng thứ nhất, thứ hai hiện nay, tức luận chứng thứ nhất, thứ hai trước kia là luận chứng thứ ba, thứ tư hiện nay. Bất tương ứng khác và các sắc pháp, đều nhân hai duyên tăng thượng sinh ra.

Lại, làm sao biết được các pháp thế gian chỉ như nói trên nhân duyên sinh khởi, chẳng phải là một nhân của trời Tự tại, ngã, thắng tánh v.v... đã khởi.

Do thứ lớp nghĩa là các thế gian, nếu do một nhân như Tự tại v.v... ấy, thì tất cả đều cùng lúc sinh, chẳng phải khởi theo thứ lớp, vì nhân hiện hữu.

Pháp nào làm chương ngại, khiến không cùng sinh?

Hiện thấy các pháp vì khởi theo thứ lớp, nên biết được chẳng phải chỉ một nhân mà sinh. Nếu chấp thế gian tùy theo muốn của Tự tại, vì sự khác nhau trước, sau, nên chẳng phải khởi ngay tức khắc, thì phải thừa nhận chẳng phải một nhân sinh, cũng thừa nhận vì muốn làm sinh

nhân của pháp, đây là sự khác của sinh diệt, trước, sau. Về lý cũng không thành, vì nhân không có khác, nên chẳng phải nhân không có khác mà quả có khác, vì phải đợi nhân khác, thì quả mới khác, hoặc ý muốn khác nhau, nên thừa nhận sinh tức khác, vì nhân trước, sau không có khác nhau, nên các pháp lẽ ra cũng sinh tức khác. Ai có khả năng gây chướng ngại, khiến cho không khởi ngay tức khắc? Nếu Tự tại muốn, thì lại phải đợi nhân khác, trước, sau theo thứ lớp khác nhau sinh, lẽ ra pháp được nhân, lại đợi nhân khác, thì nhân được chờ đợi không có bờ mé, vì nhân vô biên, nên nghĩa vô thỉ thành, không vượt qua môn giải thích về chánh lý nhân duyên. Các dị học nói Tự tại làm nhân. Lại, vì không có dụng, vì thế không nên chấp giả đối các pháp thế gian đều lấy Tự tại làm nhân, vì chẳng phải trời Tự tại tạo ra công sức lớn, sinh các pháp thế gian, có ít công dụng, vì thế không nên cho Tự tại làm nhân.

Nếu vì phát sinh tự hoan hỷ, thì phát hỷ đâu dùng sinh cái khác, nếu hỷ là phương tiện khác không phát, tức là phương tiện khác của hỷ kia sinh tự tại ở đây lẽ ra chẳng phải tự tại. Đối với hỷ đã như vậy, thì pháp khác lẽ ra cũng như thế, vì nhân duyên khác nhau không thể được. Hoặc phương tiện khác, phương tiện khác sinh, đâu dùng chấp khởi từ chỗ trời Tự tại. Nếu phương tiện khác, là phương tiện khác sinh hỷ, thì chẳng phải phương tiện khác đã khởi. Hoặc sinh ra khổ cụ bức hại hữu tình, vì phát ra hỷ của mình. Than ôi! Đâu dùng thờ phụng sự trời Tự tại làm việc bạo ác này?

Lại, tin thế gian chỉ từ một nhân Tự tại mà khởi, thì chính là bác bỏ các quả sĩ dụng, ác hiện thấy của thế gian.

Nếu nói Tự tại còn phải đợi nhân duyên khác giúp đỡ, phát ra công năng thì mới thành nhân, đó chỉ là lời nói, kính trọng trời Tự tại mà thôi, là nhân duyên khác, không thấy tác dụng riêng, nên các thứ nhân duyên: thời gian, đất, nước v.v... đối với mầm v.v... sinh, công sức hiện hữu, vì mầm v.v... tùy theo vào công sức đó, mà thành có, không, nên đối với mầm v.v... sinh, ngoại công sức ấy, không thấy có tác dụng riêng.

Vì thế không nên chấp pháp thế gian khởi Tự tại làm nhân.

Trời Tự tại đã như thế, ngã, thẳng tánh v.v... cũng nên theo đây, mà tư duy, lựa chọn.

Vì thế, nên không có pháp nào chỉ một nhân sinh, nhưng từ các thứ nhân duyên đã khởi, như đã nói trước đây, lý đó cực thành.

Đã nói sắc pháp, nhân và tăng thượng do hai duyên đã sinh. Đại chúng được tạo, gọi chung là sắc, trong đó thế nào? Đại chúng sở tạo,

mình, người khác đối với nhau, làm nhân duyên lẫn nhau. Tụng nói:

*Đại là hai nhân đại
Vì năm thứ sở tạo
Tạo là tạo ba thứ
Vì đại chỉ một nhân.*

Luận nói: Đầu tiên, nói đại là hai nhân đại, nghĩa là các đại chủng. Lại, đối lẫn nhau, chỉ vì nghĩa nhân Câu hữu, đồng loại đều cùng khởi sinh trước làm nhân khác nhau, nghĩa là hễ thiếu bất cứ một nhân nào, ngoài ra không sinh, nên lại lẫn đối nhau, có nhân Câu hữu, tánh loại dù khác mà đồng một việc. Lại, vì thuận với nhau, nên có nhân Đồng loại. Đại đối với chỗ được tạo có công năng làm năm nhân. Năm nhân đó: Sinh, dựa, lập, giữ, dưỡng riêng. Dù sinh đồng thời, nhưng vì tùy chuyển, nên như mầm, khởi, bóng, đèn, ngọn lửa, phát ra ánh sáng. Đối với chỗ được tạo, đại được thành nghĩa nhân.

Năm nhân như thế, chỉ là sự khác nhau của nhân Năng tác. Đại đối với chỗ được tạo vì năm nhân khác, về lý thì không thành. Vả lại, các đại chủng đối với sắc được tạo, chẳng phải là nhân Câu hữu, vì chẳng phải một quả. Há không là đại chủng và các tướng như sinh v.v... chẳng phải đồng được một quả của sắc được tạo, chẳng phải không đối với nhau làm nhân Câu hữu. Dù chẳng phải đồng được một quả được tạo, mà lại có pháp đồng với nghĩa một quả. Đại và chỗ được tạo, tất nhiên, sẽ không có một quả, nên đem do sánh với sự sinh v.v... về mặt lý, khẳng định không bình đẳng. Lại, các đại chủng và các tướng như sinh v.v... nếu đối lẫn nhau, không đồng một quả mà làm quả lẫn nhau, nên được thành nhân Câu hữu. Đại và chỗ được tạo không có nghĩa như thế.

Há không là tùy tướng của tâm chẳng phải làm quả lẫn nhau, mà tâm là nhân Câu hữu cho tướng. Đại và chỗ được tạo lẽ ra cũng như thế, vì sao chẳng phải nhân?

Sự so sánh này chẳng bình đẳng, vì tâm và tùy tướng, dù đối nhau chẳng làm quả lẫn nhau, mà tướng tùy thuộc kia làm pháp quả lẫn nhau, nhất định có nghĩa làm quả lẫn nhau với tâm. Lại, tâm, tướng tùy, cho một quả tâm, nên tâm làm nhân Câu hữu cho quả kia. Đại và chỗ được tạo không có việc như thế, nên đại và chỗ được tạo kia chẳng phải nhân Câu hữu. Lại, sắc được tạo có, bất đại chủng hoàn toàn thuộc về tánh vô ký, chẳng phải tướng như thế trở thành nhân Câu hữu. Nếu vậy, đại chủng đối với sắc tạo vô ký nên thành nhân Câu hữu? Không như vậy, bất, vô ký được tạo, đồng một chủng loại, cho nên đồng một sắc loại,

một phần ít dùng đại chủng làm nhân, một phần ít, không phải đại chủng làm nhân. Không có lý như thế, như phần ít pháp của một loại tương ứng với tâm, phần ít không tương ứng tâm, không có nghĩa như thế. Lại, thừa nhận đại chủng ở đời quá khứ, sắc được tạo chung với quá khứ, vị lai. Nay, chẳng phải nhân Câu hữu có lý như thế. Lại, vì thành tựu riêng, nên không có nhân này, nghĩa là có thành tựu các sắc được tạo, chẳng phải bốn đại chủng. Hoặc có thành tựu năng tạo đại chủng, chẳng phải sắc được tạo, không phải nhân Câu hữu có tương như thế, nên đại và sắc tạo chẳng phải nhân Câu hữu, không phải là nhân Tương ứng. Vì không tương ứng, cũng không biến hành và nhân Di thực. Vì tánh vô phú vô ký của đại chủng, vì chẳng phải là nhân Đồng loại đều cùng lúc khởi. Nếu về sau khởi, nghĩa là chẳng phải đồng loại, nên dù có vô ký đồng, nhưng vì chủng loại khác, nên như tâm, thọ v.v... với chủng loại dù khác nhau, nhưng đối lẫn nhau làm nhân Đồng loại. Đại và chỗ được tạo, lẽ ra cũng như thế, lý cũng không đúng, thọ v.v... và tâm, các chủng loại như thế dù khác nhau, nhưng vì đồng một quả, nên được làm nhân. Do đó nên biết nói về đạo lý duyên. Lại trong luận này cũng có văn chứng minh: Đại đối với sắc tạo không có năm thứ nhân, như nói có xứ sắc chẳng phải lấy vô ký làm nhân, cũng chẳng phải vô ký, nghĩa là xứ sắc, nếu các đại chủng đối với sắc được tạo, trong năm nhân, tạo ra bất cứ một nhân nào thì cú nghĩa này sẽ không thành lập.

Nếu vậy, thì trái với kinh, luận, như Khế kinh nói: Nhân bốn đại chủng lập ra sắc uẩn, luận này cũng nói: Đại chủng được tạo nhân tăng thượng v.v... Điều không trái nhau, vì căn cứ ở hân sinh v.v... để nói lên nói này, nên Đại và chỗ được tạo làm nhân sinh, nghĩa là vì từ đại, chỗ được tạo đó khởi, nên như mẹ sinh con. Vì nhân nương tựa, nghĩa là vì tùy theo sự chuyển biến của nhân đó, như quan nương tựa vua. Vì lập nhân, nghĩa là vì công năng gìn giữ, như đất gìn giữ vật. Nhân gìn giữ: Do sức gìn giữ của đất, vì không để dứt, như thức ăn gìn giữ mạng. Làm nhân nuôi nấng: vì công năng tăng trưởng, cũng như rễ cây được tưới tiêu, thấm nhuần do nước.

Như thế, là chứng tỏ đại và chỗ được tạo làm tánh nhân khởi biến đổi, gìn giữ, trụ, tăng trưởng.

Hoặc nhân sinh: Tất cả sắc được tạo của đại chủng sinh, vì chẳng lìa các đại chủng, có sắc tạo sinh, nên sắc tạo sinh rồi đồng loại nối tiếp nhau. Trong phần vị không đoạn lửa làm nhân nương tựa, làm cho khô ráo, không hư hoại.

Nước là nhân lập, làm cho thấm nhuần, không tan rã. Đất làm

nhân gìn giữ, vì gìn giữ làm cho không rơi rớt.

Gió làm nhân nuôi nấng, công năng dẫn phát kia, vì làm cho tăng trưởng.

Đại chúng như thế, mặc dù với chỗ được tạo, không có nghĩa của năm thứ nhân như câu hữu v.v... nhưng có năm thứ nhân khác như sinh v.v... nên không có lỗi trái với kinh, luận.

Trong đây, Thượng tọa bộ nói rằng: Năm nhân như sinh v.v... chẳng phải Thánh giáo nói. Thượng tọa bộ kia cho: Thánh giáo không hề có tên nhân này.

Chưa xem xét tông kia, sao gọi Thánh giáo? Vì tụng văn của Cưu-ma-la-thiết-ma, hay vì sơ lược, dựng đầy mà lược tạo môn luận! Vả, trong Phật giáo có danh, tướng này, như Khế kinh nói: Ái sinh sĩ phu, ái sinh tự thể.

Lại, Khế kinh nói: Nương tựa giới, trụ giới. Danh sắc dựa vào thức, thức dựa vào danh sắc, bài tụng dựa vào văn sĩ. Lại, Khế kinh nói: Bốn cách ăn kiến lập, thâm nhiếp lợi ích, mưu cầu sự sinh, đã sinh ra hữu tình”, Lại, Khế kinh nói: Nước duy trì đất v.v.... Lại, Khế kinh nói: Lắng nghe chánh pháp, có khả năng khiến cho tác ý như lý viên mãn, cho đến nói rộng.

Các ông do đức tin, từ bỏ nhà pháp hưởng đến không nhà, tin là được nuôi lớn, chế phục sức thủy miên, cho đến nói rộng, chỉ ông đã chấp xưa tùy theo nhân giới. Trong các Thánh giáo đều không có nói xứ, các sắc được tạo nào tự lẫn đối nhau, chỉ có ba nhân, gọi là: câu hữu, đồng loại, dị thực. Căn cứ vào loại được tạo, chấp nhận có ba nhân, chẳng phải tất cả nhân Câu hữu, nghĩa là tùy tâm chuyển hai nghiệp thân, ngữ, bầy chi đối với nhau, lần lượt làm nhân.

Nhân Đồng loại: Tất cả sự sinh trước, đồng loại ở sau. Nhân Dị thực: Các bất và hữu lậu, hai nghiệp thân, ngữ có công năng chiêu cảm quả dị thực như nhĩ căn v.v... được tạo ở đại, chỉ là một nhân, đó là nhân Dị thực. Hai nghiệp thân, ngữ có công năng chiêu cảm quả dị thực đại chúng.

Đã nói các pháp duyên sinh như thế, sẽ thuận theo Tông chỉ uyển chuyển nói về nghĩa duyên đẳng vô gián. Mặc dù trước kia nói chung các tâm, tâm sở đã sinh, trừ là duyên đẳng vô gián sau cùng, chưa quyết định nói: Tâm nào vô gián, có bao nhiêu tâm sinh? Lại, từ bao nhiêu tâm có tâm nào khởi? Nay, sẽ quyết định nói tâm có nhiều thứ.

Vì sao dựa vào tâm kia mà có thể nói một cách quyết định?

Vả, lược nói tâm có mười hai thứ. Mười hai thứ ấy là? Tụng nói:

*Cõi Dục có bốn tâm
Thiện, ác, phú, vô phú
Sắc, Vô sắc, trừ ác
Vô lậu có hai tâm.*

Luận nói: Vả lại, ở cõi Dục có bốn thứ tâm, là bất, hữu phú vô ký, vô phú vô ký. Ở cõi Sắc, cõi Vô sắc, mỗi cõi đều có ba tâm, là trừ bất, còn lại, như trên đã nói.

Mười thứ như thế, gọi là tâm hữu lậu. Nếu là tâm vô lậu, thì chỉ có hai thứ, là Học, Vô Học, hợp thành mười hai. Mười hai tâm này sinh lẫn nhau. Tụng nói:

*Cõi Dục thiện sinh chín
Chín này từ tám sinh
Nhiễm từ mười sinh bốn
Khác, từ năm sinh bảy.
Sắc thiện sinh mười một
Đây lại từ chín sinh
Hữu phú từ tám sinh
Đây lại sinh ra sáu.
Vô phú từ ba sinh
Đây lại sinh ở sáu
Vô sắc thiện sinh chín
Đây từ sáu sinh ra
Hữu phú sinh từ bảy
Vô phú như cõi Sắc
Học từ bốn sinh năm
Khác, từ năm sinh bốn.*

Luận nói: Tâm nơi cõi Dục vô gián sinh chín, nghĩa là cõi mình bốn: Hai tâm cõi Sắc, vào lúc nhập định và phân vị sinh nối tiếp, như thứ lớp đó, sinh tâm, nhiễm.

Sinh tâm nào? Lại thuộc về địa nào?

Tâm ở địa vị đầu tiên, sinh tâm gia hạnh. Nếu ở vào thời gian sau, sinh ly dục đắc, vì thuận theo trụ, không chấp nhận khởi tâm sinh đắc kia, sinh ở trong đây, không thể khiến tâm kia khởi hiện tiền.

Có thuyết nói: Tâm kia thuộc về địa Vị chí, có người nói cũng thâm nhiếp về sơ Tĩnh lự.

Có thuyết nói: Cũng ở trung gian Tĩnh lự.

Tôn giả Diệu Âm nói như thế này: Cho đến tâm này cũng ở Tĩnh lự thứ hai, như lúc khởi định, cách địa mà khởi.

Có thuyết nói: Chẳng phải tâm đẳng dẫn không có sức có thể dẫn dắt cách địa, tâm khởi. Cho nên, thuyết kia nói, về lý nhất định không đúng và ở Vô sắc một. Ở phần vị sinh nối tiếp nhau, cõi Dục vô gián, sinh tâm nhiễm kia và học với Vô học, vì thuận theo trụ, nên cõi Dục gián đoạn, nhất định không sinh, triển vô phú vô ký của cõi Sắc, Vô sắc, Học, Vô Học kia vì lệ thuộc tâm của giới mình, nên cũng nhất định không sinh cõi Vô sắc, vì tâm kia đối với bốn đối trị xa này, vì xa:

1. Chỗ dựa xa.
2. Hành tướng xa.
3. Sở duyên xa.
4. Đối trị xa

Tức bốn đối trị này lại từ tám vô gián khởi, nghĩa là cõi mình bốn. Cõi Sắc có hai tâm, vào thời gian xuất định, từ kia khởi. Sơ Tĩnh lự kia, định nhiễm lúc nào, từ tâm nhiễm kia, sinh cõi Dục, mong cầu dựa vào điều cõi dưới, vì đề phòng lùi sụt và Học, Vô Học, nghĩa là lúc xuất quán, nhiễm nghĩa là bất hữu phú vô ký, cả hai đều từ mười vô gián mà sinh, nghĩa là cõi mình bốn, cõi Sắc, cõi Vô sắc sáu. Ở địa vị sinh nối tiếp, giới trên sáu tâm, đều có thể mạng chung, sinh hai nhiễm cõi Dục tất nhiên không có vô lậu sinh tâm nhiễm ô, nên tâm này chẳng phải từ Học, Vô Học khởi, tức vô gián này có công năng sinh bốn tâm, nghĩa là tự giới bốn, ngoài ra không có lý sinh, tất nhiên không có tâm nhiễm vô gián của địa dưới có thể sinh lên địa trên và tâm vô lậu. Pháp khác, là triển vô phú vô ký cõi Dục.

Tâm này năm vô gián mà sinh, nghĩa là tự giới bốn và cõi Sắc, hóa tâm cõi Dục, vì từ cõi Sắc kia sinh, nên tức vô gián này có thể sinh bảy tâm, nghĩa là cõi mình bốn và cõi Sắc hai, với nhiễm ô, vào lúc nhập định, tâm biến hóa cõi Dục lại sinh kia, ở phần vị sinh nối tiếp, vô phú cõi Dục, sinh tâm nhiễm kia và cõi Vô sắc một, ở phần vị sinh nối tiếp. Tâm vô phú này sinh ra nhiễm kia.

Như thế, đã nói về bốn tâm vô gián cõi Dục, từ sinh, có thể sinh quyết định. Tâm cõi Sắc vô gián sinh mười một, nghĩa là trừ Vô sắc, phú, vô ký cõi Vô sắc, tâm dị thực sinh, vì thuộc tự giới, nên tức giới này lại từ chín vô gián khởi, nghĩa là trừ hai tâm nhiễm ô cõi Dục và trừ vô phú vô ký, cõi Vô sắc. hữu phú từ tám vô gián mà sinh, trừ hai nhiễm cõi Dục và Học, Vô Học, tức vô gián này có thể sinh sáu tâm, nghĩa là tự giới ba, , bất hữu phú vô ký cõi Dục, vô phú từ ba vô gián khởi, nghĩa là chỉ tự giới. Pháp khác không có lý sinh, tức vô gián này có khả năng sinh sáu tâm, nghĩa là tự giới ba, nhiễm Vô sắc, cõi Dục.

Đã nói về tướng ba tâm cõi Sắc sinh, cõi Sắc vô gián sinh chín, nghĩa là trừ cõi Dục, vô phú của dục, cõi Sắc, tức cõi Dục này. Từ sáu vô gián mà sinh, nghĩa là tự giới ba và cõi Sắc. Và hữu phú vô gián của Học, Vô Học có công năng sinh bảy tâm, nghĩa là tự giới ba và cõi Sắc. Nhiệm của dục, cõi Sắc, tức nhiệm này cũng từ bảy vô gián mà khởi, nghĩa là loại trừ nhiệm của dục, cõi Sắc và tâm Học, Vô Học, vô phú nói như sắc, từ ba vô gián sinh, nghĩa là tự giới ba, pháp khác đều phi lý, tức vô gián này có công năng sinh sáu tâm, nghĩa là tự giới ba và nhiệm dục, cõi Sắc.

Đã nói về tướng của ba tâm Vô sắc sinh, tâm học từ bốn vô gián khởi, nghĩa là tức tâm học và của ba cõi, tức vô gián này có công năng sinh năm tâm, nghĩa là bốn tâm trước và Vô học một, chẳng phải nhiệm của ba cõi, vì trái nhau, nên chẳng phải các vô phú, vì không sáng suốt nhay bén. Khác, nghĩa là Vô học từ năm vô gián sinh, nghĩa là của ba cõi và hai: Học, Vô Học, tức vô gián này có thể sinh bốn tâm, nghĩa là ba cõi và Vô học một, không sinh tâm học. Vì học kia chẳng phải quả, nên chẳng phải nhiệm, vô phú. Vì như trước đã nói, nên đã nói mười tám sinh lẫn nhau rồi. Sao lại chia mười hai tâm này thành hai mươi tám. Tụng nói:

*Mười hai thành hai mươi
Là tâm thiện ba cõi
Chia gia hạnh, sinh đắc
Dục: Vô phú chia bốn:
Dị thực, đường oai nghi,
Xứ công xảo, thông quả
Cõi Sắc trừ công xảo
Số khác, nói như trước.*

Luận nói: Tâm ba cõi đều chia hai thứ, nghĩa là gia hạnh đắc, và sinh đắc riêng. Vô phú cõi Dục được chia làm bốn tâm:

1. Dị thực sinh.
2. Đường oai nghi.
3. Xứ công xảo.
4. Tâm thông quả.

Tâm vô phú cõi Sắc được chia làm ba thứ, trừ xứ công xảo. Giới trên đều không có tạo tác mỗi thứ sự công xảo, vì cõi Vô sắc không có sự hành v.v... nên không có đường oai nghi, vì không bao gồm chi Tam-ma-địa, cũng không có thông quả. Nghĩa là Vô sắc không duyên sắc v., v.. làm cảnh giới. Giới kia không có hai tâm vô ký như đường oai nghi

... Thuyết kia tức thừa nhận định phần gần của Không vô biên xứ, có đường oai nghi v.v...

Nếu cho rằng định kia ở đây không chấp nhận có, nên không có lỗi, nghĩa là trước tức chẳng phải nhân, dù duyên sắc v.v... làm cảnh giới, nhưng thuyết kia cũng thừa nhận cõi này không chấp nhận có.

Căn cứ lý như thế, cõi Dục có tám, cõi Sắc có sáu, Vô sắc có bốn, Tâm Học, Vô Học hợp thành hai mươi.

Hai mươi thứ như thế sinh ra lẫn nhau, nghĩa là lại nói trong tám thứ tâm cõi Dục, tâm gia hạnh vô gián sinh mười, nghĩa là tự giới bảy, trừ tâm thông quả, vì định tĩnh lực loại vô gián sinh và cõi Sắc một, tâm gia hạnh và Học, Vô Học, tức tâm này lại từ tám vô gián khởi, nghĩa là tự giới bốn, hai, hai nhiệm và cõi Sắc hai, nghĩa là gia hạnh hữu phú và Học, Vô Học.

Tâm sinh đặc vô gián sinh chín, nghĩa là tự giới bảy, trừ tâm thông quả. Và hữu phú vô ký của sắc, Vô sắc, tức tâm này lại từ mười một tâm khởi, nghĩa là tự giới bảy, trừ tâm thông quả. Và cõi Sắc hai: Gia hạnh hữu phú và Học, Vô Học, hai tâm nhiệm ô, vô gián sinh bảy, nghĩa là tự giới bảy, trừ tâm thông quả, tức tâm này lại từ mười bốn tâm khởi, nghĩa là tự giới bảy, trừ tâm thông quả và cõi Sắc bốn, trừ gia hạnh và tâm thông quả và Vô sắc ba, trừ gia hạnh. Oai nghi, dị thực vô gián sinh tám, nghĩa là tự giới tám, trừ gia hạnh và tâm thông quả. Và hữu phú vô ký của sắc, Vô sắc, tức tâm này lại từ bảy vô gián khởi, nghĩa là tự giới bảy, trừ tâm thông quả, công xảo xứ tâm vô gián sinh sáu, nghĩa là tự giới sáu, trừ gia hạnh và tâm thông quả, tức tâm này lại từ bảy vô gián khởi trừ tâm thông quả. Từ tâm thông quả vô gián sinh hai, nghĩa là tự giới một, tức tâm thông quả và cõi Sắc một, tức gia hạnh, tức tâm này cũng từ hai vô gián khởi, nghĩa là tức thuyết trước đã nói hai tâm tự sắc, nói tâm cõi Dục sinh lẫn nhau rồi, kể nói cõi Sắc.

Trong sáu thứ tâm, từ tâm gia hạnh vô gián sinh mười hai, nghĩa là tự giới sáu và cõi Dục ba, gia hạnh, sinh đặc và tâm thông quả. Và Vô sắc một, tâm gia hạnh, tâm Học, Vô Học, tức tâm này lại từ mười vô gián khởi, nghĩa là tự giới bốn, trừ đường oai nghi với dị thực sinh. Và cõi Dục hai, thông quả, gia hạnh. Và Vô sắc hai: Gia hạnh hữu phú, tâm Học, Vô Học sinh đặc, tâm vô gián sinh tám là tự giới năm trừ tâm thông quả và cõi Dục bất, hữu phú. Và cõi Sắc một: hữu phú vô ký, tức lại từ năm vô gián khởi nghĩa là tự giới năm trừ tâm thông quả, hữu phú vô ký vô gián sinh chín, nghĩa là tự giới năm, trừ tâm thông quả và cõi Dục bốn: Hai, hai nhiệm, tức, nhiệm này lại từ mười một tâm khởi,

nghĩa là tự giới năm, trừ tâm thông quả và cõi Dục ba: Tức sinh đắc, oai nghi, dị thực. Và Vô sắc ba, trừ gia hạnh. Dị thực oai nghi vô gián sinh bảy, nghĩa là tự giới bốn, trừ gia hạnh và tâm thông quả. Và cõi Dục hai: Bất hữu phú và Vô sắc một. Hữu phú vô ký tức tâm nầy lại từ năm vô gián khởi, nghĩa là tự giới năm, trừ tâm thông quả, tức tâm nầy cũng từ hai vô gián khởi, nghĩa là tức trước đã nói hai tâm của tự giới.

Đã nói tâm cõi Sắc sinh lẫn nhau rồi. Kế sẽ nói Vô sắc.

Trong bốn thứ tâm, tâm gia hạnh vô gián sinh bảy, nghĩa là tự giới bốn, và cõi Sắc một, tâm gia hạnh và Học, Vô Học tức tâm nầy lại từ sáu vô gián khởi, nghĩa là tự giới ba, chỉ trừ dị thực, và cõi Sắc một, tâm gia hạnh và Học, Vô Học.

Tâm sinh đắc vô gián sinh bảy. Nghĩa là tự giới bốn, và cõi Sắc một, hữu phú vô ký và cõi Dục hai: Bất hữu phú tức tâm nầy lại từ bốn vô gián khởi, nghĩa là tự giới bốn, hữu phú vô ký vô gián sinh tám, nghĩa là tự giới bốn và cõi Sắc hai, gia hạnh hữu phú và cõi Dục. Bất hữu phú, tức tâm nầy lại từ mười vô gián khởi, nghĩa là tự giới bốn và cõi Sắc ba, Dị thực sinh đắc và đường oai nghi và cõi Dục ba, gọi như nói sắc.

Tâm dị thực sinh vô gián sinh sáu, nghĩa là tự giới ba, trừ gia hạnh, còn cõi Sắc một, hữu phú vô ký và cõi Dục hai. Bất hữu phú, tức tâm nầy lại từ bốn vô gián khởi, nghĩa là tự giới bốn.

Đã nói tâm Vô sắc sinh lẫn nhau rồi. Kế là nói vô lậu:

Trong hai thứ tâm, từ tâm Hữu học vô gián sinh sáu, nghĩa là chung cho tâm gia hạnh của ba cõi. Và sinh đắc cõi Dục và Học, Vô Học, tức tâm nầy lại từ bốn vô gián khởi, nghĩa là ba gia hạnh và tâm Hữu học. Từ tâm Vô học vô gián sinh năm, nghĩa là trong sinh sáu của Hữu học trước, trừ Hữu học một, tức tâm nầy lại từ năm vô gián khởi, nghĩa là ba gia hạnh và Học, Vô Học.

Lại có duyên gì gia hạnh vô gián có công năng sinh dị thực, công xảo, oai nghi, chẳng phải vô gián kia sinh gia hạnh. Vả lại, dị thực sinh do sức của nghiệp trước đã dẫn phát, nên thế lực yếu kém, vì chẳng phải làm ra công dụng dẫn phát, nên không thể dẫn khởi tâm gia hạnh, nên vô gián kia không thể sinh gia hạnh. Vì tâm xuất không do công dụng chuyển, nên gia hạnh vô gián sinh dị thực kia không có trái, vì thế lực của công xảo, oai nghi yếu kém, nên ưa tạo ra công dụng, vì dẫn phát công xảo và oai nghi, nên không thể dẫn khởi tâm gia hạnh, vì tâm xuất không do công dụng chuyển, nên gia hạnh vô gián sinh dị thực kia không có trái.

Nếu vậy, tâm nhiễm không nên vô gián sinh gia hạnh, vì cảnh giới nhiễm đả trái với điều, và vì thế lực yếu kém, nên không có lỗi này. Phiền não chán ngán, mỗi một thường xuyên hiện ở trước, bèn nghĩ rằng: Phải lập phương tiện nào khiến cho không có nghĩa nhóm họp, dừng dứt, không hiện hành, ấy là biết như thật khởi cảnh lỗi lầm, có thể sinh công đức, thoát khỏi phiền não của ta đang khởi hiện ở trước, tìm lại giác tri, khởi khéo phòng, hộ, do nguyện lực này có khả năng khởi gia hạnh. Từ vô thủy đến nay vì thường tập nhiễm, thế lực không yếu kém, nên nhiễm vô gián sinh gia hạnh. Hành tướng sinh đắc cõi Dục sáng suốt, nhạy bén, chẳng phải đã dẫn phát công dụng vượt hơn, vì sáng suốt, nhạy bén, nên có thể có từ gia hạnh cõi Sắc của tâm Học, Vô Học kia, vô gián mà khởi, vì chẳng phải được dẫn phát do công dụng vượt hơn, nên không thể từ công dụng này dẫn sinh tâm kia. Tâm sinh đắc của cõi Sắc, cõi Vô sắc vì không sáng suốt nhạy bén, vì chẳng phải được dẫn phát do công dụng vượt hơn, nên chẳng phải Học, Vô Học, gia hạnh của giới người khác vô gián khởi, cũng chẳng phải từ gia hạnh này dẫn sinh tâm kia.

Lại, sinh đắc cõi Dục, vì sáng suốt nhạy bén, nên có thể từ sắc nhiễm vô gián mà sinh, có thể vì đề phòng, che chở. Sinh đắc cõi Sắc, vì không sáng suốt nhạy bén, nên chẳng phải do nhiễm Vô sắc vô gián khởi.

Tác ý có ba. Nghĩa là tác ý thắng giải của tự, tướng cộng tướng có khác nhau.

Sao gọi là tác ý tự tướng?

Nghĩa là quán các sắc biến đổi, ngăn ngại làm tướng, cho đến quán thức phân biệt rõ làm tướng.

Quán như thế v.v... tương ứng với tác ý.

Thế nào là tác ý cộng tướng?

Nghĩa là mười sáu hành tướng ứng với tác ý.

Sao gọi là tác ý Thắng giải?

Nghĩa là quán bất tịnh và bốn vô lượng, giải thoát, hữu sắc, thắng xứ, biến xứ, quán như thế v.v... tương ứng với tác ý.

Ba thứ tác ý vô gián như thế, Thánh đạo hiện tiền, Thánh đạo Vô gián cũng có thể khởi đủ ba thứ tác ý. Nếu nói rằng, ấy là thuận với lời nói này: Quán bất tịnh đều cùng thật có hành, tu phần giác niệm v.v...

Có sư khác nói: Chỉ từ tác ý cộng tướng vô gián, Thánh đạo hiện tiền, Thánh đạo Vô gián mới có khả năng khởi ba thứ tác ý.

Nếu vậy, thì vì sao trong Khế kinh nói: Quán bất tịnh đều cùng

thực hành, tu phần giác niệm v.v... do quán bất tịnh, điều phục tâm mình, mới có khả năng dẫn sinh tác ý cộng tướng. Từ vô gián này, Thánh đạo hiện ở trước, căn cứ vào Thánh đạo ấy, lần lượt mật ý mà nói nên không có lỗi.

Có sư khác lại nói: Chỉ từ tác ý vô gián cộng tướng, Thánh đạo hiện ở trước. Thánh đạo Vô gián cũng chỉ có thể khởi tác ý cộng tướng.

Lời nói này có lỗi. Vì sao? Vì dựa vào ba địa như vị chí v.v... chứng nhập chánh tánh ly sinh, Thánh đạo Vô gián có thể sinh tác ý cộng tướng cõi Dục, do tác ý cộng tướng trong cõi Dục, cách Thánh đạo kia chẳng phải rất xa. Nếu dựa vào Tĩnh lực thứ hai, thứ ba, thứ tư, chứng nhập chánh tánh ly sinh, thì Thánh đạo Vô gián khởi tác ý nào? Chẳng phải khởi tác ý cộng tướng cõi Dục, vì rất xa.

Lại, đối với địa kia, vì không có chấp nhận có, nên do chẳng phải địa vị chí kia đã có từng được tác ý cộng tướng, khác với từng được thuận với phần quyết trạch, chẳng phải các bậc Thánh thuận với phần quyết trạch, có thể lại hiện tiền, chẳng phải đắc quả rồi, có thể phát sinh lại đạo gia hạnh, cho nên sư kia, nay nên nói: Sau Thánh đạo này, sẽ khởi tác ý cộng tướng nào hiện ở trước?

Há không lệ thuộc thuận phần quyết trạch? Cũng tu tác ý cộng tướng của loại kia, như quán các hành đều là vô thường, quán tất cả pháp đều là vô ngã, Niết-bàn vắng lặng. Thánh đạo Vô gián dẫn tác ý kia hiện ở trước.

Lời bào chữa này phi lý, vì lệ thuộc gia hạnh đã tu tác ý, chẳng phải sau khi đắc quả, có thể dẫn hiện tiền, là vì loại kia, nên ở trước nói Thánh đạo Vô gián có cả ba tác ý hiện tiền. Về lý là tốt.

Nếu dựa vào định Vị chí, được quả A-la-hán, tâm xuất quán sau, hoặc tức địa kia, hoặc là cõi Dục, dựa vào Vô sở hữu xứ, được quả A-la-hán về sau, tâm xuất quán, hoặc tức địa Vị chí kia, hoặc là Hữu đẳng, hoặc dựa vào địa khác, được quả A-la-hán. Tâm xuất quán sau, chỉ tự chẳng phải khác. Địa ở trong cõi Dục có ba tác ý:

1. Văn tạo thành.
2. Tư tạo thành.
3. Sinh sở đắc.

Cõi Sắc cũng có ba thứ tác ý:

1. Văn tạo thành.
2. Tư tạo thành.
3. Sinh sở đắc.

Không có tư tạo thành, lúc nêu tâm tư duy, tức vì nhập định, nên

Vô sắc chỉ có hai thứ tác ý:

1. Tu tạo thành.
2. Sinh đắc.

Tác ý vô gián văn, tư cõi Dục, Thánh đạo hiện tiền. Thánh đạo Vô gián khởi đủ ba thứ tác ý hiện ở trước, vì các Thánh đạo khởi, tất nhiên lệ thuộc, vì đạo gia hạnh, nên chẳng phải tác ý vô gián của sinh đắc, Thánh đạo hiện ở trước, tác ý vô gián văn, tu cõi Sắc, Thánh đạo hiện tiền Thánh đạo Vô gián, cũng chỉ khởi hai thứ tác ý kia. Vô sắc chỉ tu tác ý vô gián, Thánh đạo hiện khởi, Thánh đạo Vô gián cũng chỉ khởi tu, không khởi sinh đắc.

Nếu sinh ở Tĩnh lự thứ hai trở lên, khi khởi thân ba thức của sơ Tĩnh lự, các hữu tình chưa lìa nhiễm của địa mình, chúng từ tác ý vô gián, nhiễm, vô ký của địa mình, hai thức hiện tiền, vô gián ba thức sinh trở lại ba thứ tác ý của địa mình, các hữu tình đã lìa nhiễm tự địa, trừ tác ý nhiễm, chỉ tác ý vô gián, vô ký, ba thức hiện ở trước, ba thức vô gián cũng chỉ khởi hai thứ tác ý này.

Tâm nào hiện tiền trong mười hai tâm đã nói ở trước? Có bao nhiêu tâm có thể được? Tụng nói:

*Tâm nhiễm trong ba cõi
Được hai thứ sáu, sáu
Sắc: thiện ba, học bốn
Còn lại đều tự được.*

Luận nói: Tâm nhiễm của cõi Dục, cõi Sắc, ở phần vị đang hiện tiền, trong mười hai tâm, đều được sáu tâm, trong mười hai tâm của phần vị đang hiện tiền của tâm nhiễm cõi Vô sắc, chỉ được hai tâm, vì một sát-na, lẽ ra nói không như vậy. Vả lại, lúc khởi tâm nhiễm ô cõi Dục, hoặc lùi trở lại giới, hoặc tiếp nối gốc, hoặc lùi lại đức vượt hơn, đối với ba địa vị này, tùy theo chấp nhận có số, tổng cộng được sáu tâm. Lúc trở lại lui sụt giới, trừ vô phú của mình, nhất định được tự giới.

Ba tâm như tâm v.v..., tâm nhiễm cõi Sắc, cũng chấp nhận có thể được. Nối tiếp phần vị của gốc, được tâm của mình, vì nối tiếp căn trong tâm nghi, nên, thoái lui địa vị đức thù thắng, tâm nhiễm ba cõi và tâm Hữu học đều chấp nhận có thể được. Nếu khi khởi tâm, nhiễm ô cõi Sắc, hoặc trở lại thoái lui giới, hoặc lùi lại đức vượt hơn, tùy theo chấp nhận có số, cũng được sáu tâm. khi trở lại thoái lui giới, được ba thứ của mình và được vô phú vô ký cõi Dục, nghĩa là tâm thông quả, vì lùi lại địa đức vượt hơn, hai tâm nhiễm ô của sắc, cõi Vô sắc và tâm Hữu học, đều chấp nhận có thể được. Nếu khi khởi tâm nhiễm ô Vô sắc,

được ngay hai tâm, nghĩa là nhiệm của tự giới, Hữu học, trong đây chỉ có lùi lại địa vị đức vượt hơn, tâm cõi Sắc, trong mười hai tâm của phần vị đang hiện tiền, chấp nhận được ba tâm, nghĩa là tâm của mình và vô phú vô ký của dục, cõi Sắc. Do thắng tiến, nên về lý thật ra không được tâm vô phú cõi Dục, vì ở thời gian trước nhất định thành tự.

Có thuyết nói: Lúc Tĩnh lự căn bản khởi, được ngay ba tâm tức như ở trước đã nói: Nếu nói rộng là được, thì nghĩa này chẳng phải không có. Nhưng vào lúc bấy giờ, chỉ được hai sau, do một thứ trước, vì trước đã thành tự.

Nếu không như vậy, thì tâm học của địa vị này cũng chấp nhận có thể được, nên nói được bốn nếu phần vị đang hiện tiền của tâm Hữu học, trong mười hai tâm, chấp nhận được bốn tâm, nghĩa là tâm Hữu học và vô phú vô ký của dục, cõi Sắc và Vô sắc, nếu lúc mới chứng nhập chánh tánh ly sinh, thì tâm học bấy giờ, tức gọi là đắc. Nếu dùng Thánh đạo để lìa nhiệm cõi Dục, thì lúc sau cùng khởi đạo Giải thoát. Vô phú vô ký dục, cõi Sắc, về lý cũng không được tâm vô phú cõi Dục, nghĩa như trước đã nói. Nếu dùng Thánh đạo để lìa nhiệm cõi Sắc, được Vô sắc. Trong đây lìa lời nói, không phải rớt ráo lìa, vì đối với nhiệm cõi Sắc khi chưa lìa hoàn toàn, tâm Vô sắc đã có thể được.

Có thuyết nói: Khi hoàn toàn lìa nhiệm cõi Sắc, được của địa căn bản cõi Vô sắc.

Nếu vậy, lẽ ra nói cũng được tâm Hữu Học, khi lìa nhiệm cõi Dục, cũng được cõi Sắc, tức là phải nói: Tâm Hữu học được năm. Khác, nghĩa là tâm nhiệm v.v... của thuyết trước, khác, nghĩa là ba vô phú vô ký của ba cõi, của cõi Dục, Vô sắc và tâm Vô học, không nói về phần vị đang hiện tiền của tâm kia được sự khác nhau của tâm, nên biết, phần vị đang hiện tiền của tâm, chỉ tự có thể được phần vị đang hiện tiền của tâm vô phú cõi Dục, cõi Sắc, đều không có sở đắc. Vì trước kia đã được, không lẽ nói, đều tự có thể được?

Há không là khi tâm Vô học đang khởi, cũng chấp nhận được bốn, nghĩa là ba cõi, khi Tận trí đầu tiên, vì tu vị lai, nên chẳng phải trước đã được, có tu vị lai, sao có thể nói tâm Vô học này chỉ tự được?

Lại, khi Vô sắc đang hiện khởi, cũng được tâm Hữu học, đâu chỉ tự đắc? Nay nói đắc, nghĩa là chẳng phải trước đã thành, như bài tụng sau nói, nên không có vấn nạn này.

Nếu không như vậy, thì cõi Sắc sẽ được ba, tâm học được bốn, cũng không nên nói vì chấp nhận được cái khác, nghĩa này nên tư duy.

Có thuyết khác cũng nói: Tâm có mười một, vì Học, Vô Học đồng

với vô lậu, nên tức căn cứ ở nghĩa này để nói chung. Tụng nói:

*Người tuệ nói pháp nhiệm Lúc hiện khởi
được chín Thiện trong tâm được sáu Vô ký
chỉ vô ký.*

Tâm nhiệm cõi Dục, lùi lại giới trở lại phần vị, trừ tự vô phú, được tự giới ba, về lý lẽ ra cũng nói được tự vô phú. Tâm nhiệm cõi Sắc, lùi sụt địa vị Vô học, được nhiệm cõi mình và tâm Hữu học. Đây là căn cứ giới để nói được tâm nhiều ít, vì chẳng phải căn cứ ở địa vị để nói, nên được chín tâm. Tâm Vô sắc không có chấp nhận đắc.

Có sư khác nói: Nhiệm được mười tâm, vì lùi sụt trong Vô sắc, sinh địa dưới, phần vị khởi của tâm nhiệm, được tâm của mình, dù nói được tâm, căn cứ ở giới mà lập, cũng như có thể nói được tâm vô lậu, được tâm của địa.

Vì sao không nói? Nếu gồm nói địa đắc thì há chỉ mười hai tâm?

Nói được sáu tâm trong tâm, nghĩa là dùng chánh kiến khi nối tiếp căn, được cõi Dục, khi lìa nhiệm cõi Dục, nên biết sẽ được ngay vô phú dục, cõi Sắc. Lúc nhập định đầu tiên, như chỗ ứng hợp riêng được cõi Sắc, cõi Vô sắc, đầu tiên nhập địa vị ly sinh, khi chứng A-la-hán, được Học, Vô Học.

Nếu vậy, làm sao nói được sáu tâm?

Như vấn nạn của Kinh chủ, nên nói được bảy.

Có sư khác giải thích: Khi được Tận trí, là được ngay sáu tâm, nghĩa là ba cõi, vô phú dục, cõi Sắc và tâm vô lậu. Mặc dù căn cứ ở lúc riêng, nhưng cũng chấp nhận được sáu, mà vì căn cứ được ngay tức khắc, nên nói lúc này.

Nói phù phiếm không có trái, chẳng phải ý của bài tụng hiện nay.
Vì thâm nhiếp nghĩa trước, lại nói tụng:

*Do thác sinh, nhập định, Và khi lùi, lìa
nhiệm Tâm tiếp nối các thiện
Mà trước chưa được thành.*

